

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 4 - 2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh

Ông Đỗ Văn Thư

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/9/1969; căn cước công dân số 031169001435; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1969; căn cước công dân số 031169001435; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là Ủy ban nhân dân xã A), thành phố Hải Phòng vào ngày 10/12/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm và ít mâu thuẫn nhưng từ đầu năm 2010 thì bắt

đầu vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Năm 2016, bà N đi nước ngoài làm ăn, do xa cách về địa lý nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2020, bà N đã quay về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Ú, xã K, thành phố Hải Phòng ở và làm việc. Bà N và ông T đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 02/5/1991 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/6/1995. Hiện các con đã thành niên, bà N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Bà Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành lấy lời khai, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T trình bày thống nhất với bà Nguyễn Thị N về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời điểm mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông Nguyễn Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông T và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 02/5/1991 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/6/1995. Hiện các con đã thành niên, ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Ông Nguyễn Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N; cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 02/5/1991 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/6/1995. Hiện các cháu đã thành

niên, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, công nợ: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Đây là vụ án về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A (nay là Ủy ban nhân dân xã A), thành phố Hải Phòng vào ngày 10/12/2002. Như vậy, theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T hòa thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2020 cho đến nay, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 02/5/1991 và Nguyễn Văn T1, sinh ngày 05/6/1995. Hiện các cháu đã thành niên. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N đã nộp theo Biên lai số 12 ngày 05/02/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Hưng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang